|  |  |
| --- | --- |
| **UBND THỊ XÃ CAI**  PHÒNG GDĐT TX.CAI LÂY  **ĐỀ 1**  **GV: ÂU VĂN KHẮP** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP THỊ XÃ**  **TRUNG HỌC CƠ SỞ, NĂM HỌC 2022 - 2023**  Môn: **ĐỊA LÍ**  Thời gian: **150 phút** *(không kể thời gian giao đề)*  Ngày thi: 31/01/2023  *(Đề thi có 02 trang, gồm 6 câu)* |

**Câu 1 (2,5 điểm):**

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy trình bày những đặc điểm chính về tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng.

b) Vì sao tính chất nhiệt đới của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ bị giảm sút mạnh mẽ?

**Câu 2 (3,5 điểm):**

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy trình bày những đặc điểm chính về địa hình của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

b) Dựa vào bảng số liệu sau:

LƯU LƯỢNG NƯỚC SÔNG HỒNG CÁC THÁNG TRONG NĂM,

TRẠM SƠN TÂY

*Đơn vị: m3/s*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lưu lượng (m3/s) | 1318 | 1100 | 914 | 1071 | 1893 | 4692 | 7986 | 9246 | 6690 | 4122 | 2813 | 1746 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 8 trang 120, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)*

Hãy tính lưu lượng dòng chảy trung bình cả năm của sông Hồng và nhận xét về chế độ nước sông Hồng dựa vào kết quả tính và bảng số liệu trên.

**Câu 3 (3,0 điểm):**

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, xác định vùng có mức độ tập trung dân cư đông nhất nước ta và giải thích. Phân tích ảnh hưởng của dân số đông đến sự phát triển kinh tế - xã hội, tài nguyên của vùng.

1. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu dân số Việt Nam theo nhóm tuổi, giai đoạn 1989-2009 (Đơn vị: %)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhóm tuổi | 1989 | 1999 | 2009 |
| 0-14 tuổi | 38,9 | 33,6 | 25,0 |
| 15-59 tuổi | 53,2 | 58,3 | 66,0 |
| 60 tuổi trở lên | 7,9 | 8,1 | 9,0 |

Nhận xét cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta.

**Câu 4: (3,0 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

Nhận xét tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2000 – 2007.

**Câu 5 (4,0 điểm)** Cho bảng số liệu: Số dân, sản lượng lúa, sản lượng lúa bình quân đầu người nước ta giai đoạn 1981 - 2013

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1981 | 1990 | 2003 | 2013 |
| Số dân (triệu người) | 54,9 | 66,2 | 80,9 | 89,8 |
| SL lúa (triệu tấn) | 12,4 | 19,2 | 34,6 | 44,0 |
| SL lúa BQĐN (kg/người) | 225,9 | 290,0 | 427,7 | 490,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê 2018)*

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lúa và sản lượng lúa bình quân đầu người ở nước ta giai đoạn trên?

b) Nhận xét sự gia tăng dân số, sản lượng lúa và sản lượng lúa bình quân đầu người trong thời gian trên?

**Câu 6 (4,0 điểm):** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

a) So sánh tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm giữa hai vùng Trung du miền núi Bắc bộ và Tây Nguyên và giải thích sự khác nhau đó?

b)Trình bày những thuận lợi và khó khăn trong phát triển ngư nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

---------------------------------------------------HẾT-------------------------------------------

***Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam); Giám thị không giải thích gì thêm.***

Họ và tên thí sinh:……………………………………...;Số báo danh:…………